

BÁO CÁO

Tình hình công tác tháng 3, sơ kết quý I, Kế hoạch quý II và tháng 4 năm 2015

Tình hình sản xuất nông - lâm - thủy sản của tỉnh 3 tháng đầu năm có một số thuận lợi cơ bản, như: Các loại dịch bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi được kiểm soát; giá lúa vụ Thu đông mùa và đầu vụ Đông xuân đảm bảo nông dân có lãi 30%; tiến độ thu hoạch lúa Đông xuân chậm so cùng kỳ; giá heo hơi, tôm sú, tôm thẻ ở mức khá. Tuy nhiên, độ mặn xuất hiện sớm và cao hơn cùng kỳ gây khó khăn cho công tác điều tiết nước phục vụ sản xuất lúa; dịch bệnh trong chăn nuôi luôn tiềm ẩn gây áp lực cho việc phát triển đàn nên tổng đàn gia súc, gia cầm giảm; môi trường nước đầu vụ chưa ổn định làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi; giá cả các loại vật tư đầu vào ở mức cao phần nào gây khó khăn cho sản xuất. Nhưng với sự tập trung chỉ đạo của ngành, nông nghiệp tiếp tục có bước phát triển, cơ bản đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Kết quả cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC THÁNG 3 VÀ QUÝ I

1. Tình hình sản xuất:

Ước tổng giá trị sản xuất quý I (tính theo giá so sánh năm 1994) đạt 2.663,66 tỷ đồng, đạt 30,93% kế hoạch, tăng 3% so cùng kỳ. Cụ thể:

- **Nông nghiệp:** 2.279,74 tỷ đồng, đạt 40,79%, tăng 1,07%.
- + Trồng trọt: 1.839,65 tỷ đồng, đạt 42,74%, tăng 3,39%.
- + Chăn nuôi: 208,85 tỷ đồng, đạt 26,9%, giảm 15,7%.
- + Dịch vụ nông nghiệp: 230,64 tỷ đồng, đạt 45,22%, tăng 1,2%.
- **Lâm nghiệp:** 18,9 tỷ đồng, đạt 18,9%, giảm 5,3%.
- **Thủy, hải sản:** 365,61 tỷ đồng, đạt 12,5%, tăng 17,8%.
- + Khai thác hải sản: 124,82 tỷ đồng, đạt 28,2%, tăng 2,4%.
- + Khai thác nội đồng: 32,4 tỷ đồng, đạt 23,7%, tăng 5,9%.
- + Nuôi trồng thủy sản: 204,4 tỷ đồng, đạt 9,5%, tăng 34,9%.
- + Dịch vụ thủy sản: 4 tỷ đồng, đạt 2%, giảm 37%.

Cụ thể về tình hình sản xuất các ngành hàng, sản phẩm như sau:

a) Nông nghiệp:

- Trồng trọt:

+ Cây lúa: Trong tháng không có diện tích xuống giống, lũy kế xuống giống quý I là 44.570 ha (dứt điểm 68.888 ha lúa đông xuân). Thu hoạch 26.398 ha lúa đông xuân, lũy kế thu hoạch quý I là 55.485 ha (dứt điểm 89.209 ha lúa Thu đông

- mùa), sản lượng đạt 649.713 tấn. Tổng diện tích nhiễm sâu bệnh các loại là 16.573 ha (lúa Thu Đông năm 2.401 ha), chủ yếu là chuột gây hại, rầy nâu, bệnh đạo ôn lá, do chủ động trong công tác phòng, trị nên mức độ gây hại nhẹ. Diện tích lúa Đông xuân bị thiếu nước bơm tấp 9.185 ha gồm: Trà Cú 3.300 ha, Tiểu Cần 2.550 ha, Châu Thành 2.145 ha, Cầu Ngang 950 ha, Cầu Kè 240 ha, tuy nhiên đến nay đã được khắc phục.

Nhìn chung, tình hình sản xuất lúa năm 2015 không được thuận lợi, muộn xuất hiện sớm và cao hơn cùng kỳ, gây khó khăn trong công tác vận hành công điều tiết nước phục vụ sản xuất; chuột cắn phá lúa với diện tích lớn. Tuy nhiên, vụ Đông Xuân xuống giống vượt kế hoạch 8,48% và kéo dài nên tiến độ thu hoạch chậm hơn cùng kỳ.

+ Cây màu: Trong tháng gieo trồng 5.807 ha, lũy kế quý I gieo trồng 18.232 ha, cả vụ 24.317 ha, đạt 38,2% kế hoạch năm (thấp hơn cùng kỳ 427 ha), cụ thể: Màu lương thực 3.478 ha, màu thực phẩm 11.986 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 8.853 ha.

- Chăn nuôi: Thực hiện các biện pháp phòng chống bệnh cúm lây lan từ tỉnh Sóc Trăng và Vĩnh Long vào tỉnh. Ước tổng đàn bò 150.350 con, tăng 19.152 con; đàn trâu 1.130 con, giảm 192 con; đàn heo 339.200 con, giảm 34.742 con; đàn gia cầm còn 5 triệu con, tăng 0,9 triệu con so cùng kỳ.

Trong quý I, tình hình chăn nuôi gặp không ít khó khăn do dịch bệnh trong chăn nuôi luôn tiềm ẩn, nguy cơ lây lan cúm gia cầm từ tỉnh Sóc Trăng và Vĩnh Long vào tỉnh là rất lớn; giá thức ăn và con giống ở mức cao, chăn nuôi không có lãi nên người chăn nuôi không mạnh dạn tái đàn trở lại.

b) Lâm nghiệp:

Phối hợp Công an tỉnh Trà Vinh xây dựng kế hoạch kiểm tra các cơ sở nuôi động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh; kết hợp địa phương rà soát quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2016-2020; xây dựng dự án nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng giai đoạn 2015 – 2020; vệ sinh phòng cháy rừng 58 ha; thực hiện 53 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 02 trường hợp vi phạm. Lũy kế quý I thực hiện vệ sinh phòng cháy 136 ha rừng; thực hiện 115 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 02 trường hợp vi phạm, tiến hành xử lý theo quy định.

c) Diêm nghiệp: Có 215 hộ sản xuất, với diện tích 163,2 ha (giảm 30 ha so cùng kỳ), sản lượng thu hoạch 2.056 tấn, tiêu thụ 300 tấn với giá bán trung bình 35.000 đồng/giạ. Nguyên nhân diện tích sản xuất muối giảm do giá muối thấp, diêm dân sản xuất không có lãi nên chuyển sang nuôi thủy sản; một phần diện tích nằm trong khu nhà máy nhiệt điện và công trình luồng tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu.

d) Thủy sản:

- Nuôi trồng thủy sản: Trong tháng thả nuôi 7.194 ha, thu hoạch 4.033 tấn. Lũy kế đến quý I thả nuôi 23.084 ha, đạt 50,28% kế hoạch, giảm 3.292 ha so cùng kỳ; thu hoạch 11.190 tấn, đạt 9,18% kế hoạch, giảm 1.298 tấn so cùng kỳ, cụ thể:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 309 triệu con tôm sú giống (5.310 ha), 208 triệu con tôm chân trắng (425 ha), 18 triệu con cua biển (4.466 ha), 170 tấn nghêu

giống (22 ha); thu hoạch 1.326 tấn. Lũy kế quý I thả nuôi 832,8 triệu con tôm sú giống (13.453 ha), 554,8 triệu con tôm chân trắng (1.083 ha), 42,2 triệu con cua biển (8.342 ha), 170 tấn nghêu giống (22 ha); thu hoạch 2.969 tấn (705 tấn tôm sú, 1.536 tấn tôm chân trắng, 679 tấn cua biển,...). Do thời gian đầu vụ thời tiết, môi trường nước chưa ổn định, nhiệt độ nước giữa ngày và đêm chênh lệch lớn làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi, có biểu hiện bệnh đốm trắng, gan tụy làm thiệt hại 24,5 triệu con tôm sú giống (2,95%), diện tích 337 ha; 96,6 triệu con tôm thẻ chân trắng (17,42%), diện tích 180 ha.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 8 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 76,5 ha; thu hoạch 2.707 tấn. Lũy kế quý I thả nuôi 23,4 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 183 ha (16 triệu con cá lóc, diện tích 47 ha); thu hoạch 8.220 tấn (466 tấn cá tra, 215 tấn tôm càng xanh, 5.357 tấn cá lóc,...), đạt 12,5% kế hoạch.

- Khai thác: Sản lượng trong tháng 5.440 tấn (803 tấn tôm). Lũy kế quý I khai thác 17.642 tấn (3.048 tấn tôm), đạt 21,2% kế hoạch, tăng 5,3% so cùng kỳ, trong đó:

+ Khai thác nội đồng: 612 tấn (288 tấn tôm). Lũy kế quý I là 2.756 tấn (1.104 tấn tôm), đạt 19% kế hoạch, tăng 5% so cùng kỳ.

+ Khai thác hải sản: 4.828 tấn (515 tấn tôm). Lũy kế quý I là 14.886 tấn (1.944 tấn tôm), đạt 21,2% kế hoạch, tăng 5,4% so cùng kỳ.

- Thu mua, chế biến: Trong tháng các doanh nghiệp thu mua 468 tấn thủy sản (42 tấn tôm sú), chế biến 242 tấn, tiêu thụ 72 tấn, kim ngạch xuất khẩu 0,48 triệu USD. Lũy kế đến quý I các doanh nghiệp thu mua 971 tấn thủy sản (62 tấn tôm sú), chế biến 566 tấn, tiêu thụ 397 tấn, kim ngạch xuất khẩu 2,75 triệu USD.

2. Tình hình thực hiện công tác chuyên ngành:

a) Công tác phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi:

- Ngành nông nghiệp chỉ đạo các đơn vị chuyên môn tăng cường công tác dự tính, dự báo; kiểm tra tình hình sâu bệnh nhất là các đối tượng có nguy cơ bùng phát cao như chuột gây hại, rầy nâu, bệnh cháy lá; tổ chức 127 cuộc vận động phòng trị chuột đồng loạt trên diện rộng với 7.588 lượt nông dân tham gia, đạt 2.500 kg thuốc (2.122 kg thuốc sinh học Biorat) bảo vệ được 12.025 ha lúa tại các huyện Châu Thành, Trà Cú và Cầu Ngang. Hướng dẫn nông dân tiếp tục chăm sóc diện tích lúa Đông Xuân còn lại trên đồng, tuyên truyền vận động cày ải, vệ sinh đồng ruộng chuẩn bị xuống giống lúa vụ Hè Thu theo lịch thời vụ.

- Trong tháng tiêm vaccine cúm cho 446.216 con gia cầm, vaccine thường xuyên cho 49 ngàn con gia súc; kiểm dịch 294 ngàn con gia cầm, 9,2 ngàn con gia súc, 25 tấn thịt gia súc. Lũy kế quý I tiêm phòng vaccine cúm 1.078.646 con gia cầm (gà 374.126 con, vịt 704.520 con), vaccine thường xuyên cho 113 ngàn con gia súc (dịch tả 40 ngàn con; tụ huyết trùng 37 ngàn con; phó thương hàn 36 ngàn con) và 290.689 liều vaccine các loại khác; kiểm dịch 54 ngàn con gia cầm, 15 ngàn con gia súc, 112 tấn thịt gia súc và 6 triệu trứng gia cầm. Trong quý đã đưa vào hoạt động 01 cơ sở giết mổ gia súc tập trung, nâng tổng số đến nay toàn tỉnh có 11 cơ sở giết mổ tập trung đang hoạt động, gồm 07 cơ sở giết mổ gia súc và 4

cơ sở giết mổ gia cầm; kiểm tra, củng cố 317 điểm giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm dịch 23,3 triệu con tôm sú giống, 37,2 triệu con tôm chân trắng, cấp 86 giấy chứng nhận kiểm dịch; kiểm tra vệ sinh thú y 05 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống; thực hiện 06 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước phục vụ nuôi thủy sản; thu 08 mẫu giáp xác tại các tuyến sông đầu nguồn. Lũy kế quý I kiểm dịch 58,3 triệu con tôm sú giống, 160,2 triệu con tôm thẻ chân trắng, cấp 205 giấy chứng nhận kiểm dịch; kiểm tra vệ sinh thú y 90 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, cấp 16 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y thủy sản; thực hiện 39 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước phục vụ nuôi thủy sản; thu 50 mẫu giáp xác phân tích bệnh đốm trắng, thông báo để nông dân quản lý ao nuôi, kết quả có 14 mẫu nhiễm bệnh.

b) Công tác chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật:

- Kết hợp Đài Phát thanh Truyền hình thực hiện 01 chuyên mục “Kỹ thuật nuôi tôm sú kết hợp cá rô phi”; 01 phóng sự, 01 cuộc tọa đàm và 03 bản tin thời sự; cấp phát 235 bộ tài liệu, 44 bộ tranh công cụ, 950 tờ tài liệu bướm và 48 đĩa kỹ thuật hướng dẫn kỹ thuật sản xuất. Lũy kế quý I đã thực hiện 03 chuyên mục, 01 phóng sự, 05 bản tin thời sự và 01 cuộc tọa đàm; cấp phát 150 quyển sổ tay khuyến nông khuyến ngư năm, 235 quyển tài liệu, 44 bộ tranh công cụ, 950 tờ tài liệu bướm và 48 đĩa kỹ thuật các loại.

- Tổ chức 08 lớp tập huấn về kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng, tuyên truyền xây dựng công trình khí sinh học cho 180 lượt người; xây dựng 32 công trình khí sinh học. Lũy kế quý I đã tổ chức 14 lớp tập huấn về kỹ thuật nuôi tôm chân trắng cho 350 lượt người; xây dựng 52 công trình khí sinh học.

- Kết hợp tổ chức diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp với chuyên đề “Liên kết giữa sản xuất và chế biến để chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa vùng Đồng bằng Sông Cửu Long” nhằm báo cáo tình hình và kết quả liên kết giữa sản xuất, chế biến và chuyển đổi cây trồng trên đất lúa ở một số tỉnh vùng ĐBSCL; giải đáp thắc mắc của người dân liên quan đến vấn đề chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nâng cao thu nhập cho nông dân và góp phần thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

c) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:

- Thực hiện 27 công trình thủy lợi nội đồng, với tổng chiều dài 16.670 m, khối lượng đất đào đắp 50.664 m³, đạt 3,6% kế hoạch

- Dự án Quy hoạch thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đạt khoảng 80% khối lượng công việc.

- Chuẩn bị đấu thầu Công trình duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2015.

- Tổ chức 11 đợt kiểm tra an toàn các tuyến đê, phát hiện 07 trường hợp vi phạm. Lũy kế quý I tổ chức 41 đợt kiểm tra an toàn các tuyến đê, phát hiện 22 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã xử lý theo quy định.

d) Công tác xây dựng cơ bản

Hoàn tất thủ tục triển khai thực hiện 04 dự án khởi công mới, tiếp tục thực hiện 13 dự án chuyên tiếp (09 công trình phục vụ nuôi trồng thủy sản, 02 công trình phục vụ sản xuất lúa, màu, 05 công trình đê, kè; 01 công trình dân dụng). Đến quý I/2015 đã giải ngân 37,61 tỷ đồng.

d) Sản xuất và cung ứng giống:

- Giống nông nghiệp:

+ Giống cây trồng: Khảo nghiệm và chọn dòng phân ly 03 bộ giống (A₀, A₁, Trà Vinh), diện tích 0,6 ha đang giai đoạn chín. Tổ chức nhân giống lúa, diện tích 22 ha trên địa bàn huyện Càng Long, đã thu hoạch, năng suất trung bình 8,5 tấn/ha; chọn hộ thực hiện 02 mô hình nhân giống gà, số lượng 1.000 con tại xã Bình Phú và Long Đức; tiếp tục nhân giống 01 ha bưởi da xanh tại huyện Châu Thành; tổ chức sản xuất 17 ha lúa giống (cấp nguyên chủng 12 ha), đang trong giai đoạn chín. Cung ứng 9,6 tấn lúa giống (0,5 tấn nguyên chủng) và 474 cây giống các loại.

+ Giống vật nuôi: Tập trung chăm sóc 44 con bò giống và bê con, (34 con bò cái sinh sản, 02 con bò đực giống, 8 con bê); cải tạo đất, bón phân, chăm sóc 01 ha cỏ làm thức ăn tươi cho đàn bò.

- Giống thủy sản: Sản xuất 4,79 triệu con tôm sú giống; nuôi vỗ đàn cá tra, các lóc bố mẹ chuẩn bị sản xuất giống cá tra, cá lóc, tôm càng xanh toàn đực. Chuẩn bị triển khai thực hiện các mô hình như ương cua biển giống, sản xuất giống lươn đồng, các rô phi, cá sặc rằn.

e) Công tác phát triển nông thôn:

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

+ Công tác tuyên truyền: Tổ chức 268 cuộc tuyên truyền lồng ghép về các tiêu chí xây dựng nông thôn mới cho 13.600 lượt người; phối hợp với Đài Phát thanh-Truyền hình thực hiện 03 phóng sự về xây dựng nông thôn mới tại xã An Phú Tân, Ninh Thới, huyện Cầu Kè và xã Hiệp Mỹ Đông huyện Cầu Ngang.

+ Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí về nông thôn mới đối với 85 xã: Có 13 xã đạt 19 tiêu chí; 04 xã đạt 15-18 tiêu chí; 37 xã đạt 10-14 tiêu chí; 31 xã đạt 5-9 tiêu chí.

+ Kết quả thực hiện nguồn vốn: Tổng nguồn vốn được cấp 89,9 tỷ đồng (vốn Trung ương 4,9 tỷ, Trái phiếu Chính phủ 68 tỷ, vốn địa phương 17 tỷ), các xã đang lập dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, phối hợp với các đơn vị chọn nhà thầu chuẩn bị triển khai thực hiện.

- Công tác sắp xếp bố trí dân cư: Trình phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thi công hạng mục xây dựng đường giao thông nội bộ, hệ thống thoát nước và ký hợp đồng thi công san lấp mặt bằng lô 1 dự án Di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa; phê duyệt chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án Di dân sạt lở xã Đại Phước giai đoạn 2; trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu rà phá bom mìn, vật nổ công trình Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông bảo vệ 89 hộ dân khu vực thị trấn Tiểu Cần; thương thảo, ký

hợp đồng tư vấn khảo sát lập Dự án Di dân sạt lở áp Côn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành.

- Phát triển kinh tế hợp tác, HTX: Trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp đến năm 2020; lập kế hoạch đổi mới, tổ chức phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014-2020; hoàn thành quy chế làm việc của Ban điều hành xây dựng cánh đồng lớn và đề cương yêu cầu báo cáo kết quả triển khai thực hiện cánh đồng lớn năm 2015.

- Phát triển ngành nghề nông thôn: Rà soát nhu cầu học nghề và triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn năm 2015.

- Chương trình mục tiêu Quốc gia nước sinh hoạt và VSMTNT: Quyết toán dự án nâng cấp mở rộng nhà máy nước sạch xã Ngọc Biên, tiếp tục thực hiện 03 dự án chuyên tiếp (xây dựng nhà máy nước sạch xã Trường Long Hòa, xây dựng nhà máy nước sạch xã Tân Sơn, nâng cấp mở rộng nhà máy nước sạch xã Nhị Long Phú), chuẩn bị đấu thầu dự án xây dựng nhà máy nước sạch Thị Trấn Định An. Đến nay, đã giải ngân 6,22 tỷ đồng, đạt 30,73% kế hoạch năm. Trong tháng, lắp đặt cho 557 hộ sử dụng nước máy do ngành đầu tư và cung cấp, nâng tổng số từ đầu chương trình đến quý I đã lắp đặt cho 71.537 hộ sử dụng nước máy.

f) Quản lý Nhà nước chuyên ngành:

- Quản lý chất lượng nông - lâm - thủy sản: Thanh tra, kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm 09 cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thủy sản và 04 tàu cá, kết quả 06 cơ sở vi phạm; cấp 02 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 38 mẫu. Lũy kế quý I kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm 10 cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thủy sản và 12 tàu cá, kết quả xếp loại: 01 loại A, 10 loại B, 08 loại C, 03 cơ sở, tàu cá ngưng hoạt động; cấp 13 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 122 mẫu (30 mẫu nông sản, 92 mẫu thủy sản).

- Quản lý tàu cá, cảng cá:

+ Kiểm tra an toàn kỹ thuật 51 tàu cá, cấp văn bản đóng mới, cải hoán 09 tàu, đăng ký 12 tàu, xóa bộ 04 tàu, cấp 38 sổ danh bạ (182 thuyền viên), cấp 56 giấy phép khai thác thủy sản, 01 giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU. Lũy kế quý I đã kiểm tra an toàn kỹ thuật 132 tàu cá (6 tàu ngoài tỉnh), cấp văn bản đóng mới, cải hoán 19 tàu, đăng ký 32 tàu, xóa bộ 10 tàu, cấp 61 sổ danh bạ (290 thuyền viên), cấp 104 giấy phép khai thác thủy sản, 115 giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU.

+ Tổ chức thu phí 1.642 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.290 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 43,3 triệu đồng. Lũy kế quý I thu phí 2.752 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 3.119 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 108,4 triệu đồng.

- Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

+ Tuyên truyền pháp luật: Đến nay tổ chức 67 lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, các quy định khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kinh doanh thuốc, thức ăn thủy sản, giống thủy sản, hóa chất, chế phẩm dùng trong nuôi thủy sản cho 2.159 lượt người.

+ Kiểm tra xử lý vi phạm: Tổ chức thanh tra, kiểm tra 115 lượt tàu cá, 07 phương tiện vận chuyển giống thủy sản; quyết định xử phạt 06 trường hợp. Lũy kế quý I tổ chức thanh tra, kiểm tra 160 lượt tàu cá, 25 cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, chế phẩm sinh học dùng trong nuôi thủy sản, sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, 12 phương tiện vận chuyển giống thủy sản; thu, phân tích, kiểm tra chất lượng 15 mẫu thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y; quyết định xử phạt 21 trường hợp vi phạm.

g) Các công tác khác:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững và Nghị quyết lãnh đạo phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2020.

- Hoàn chỉnh tổng hợp ý kiến đóng góp và Kế hoạch thực hiện tái cơ cấu ngành chăn nuôi, chuẩn bị trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định số 68/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ.

- Tham mưu thành lập Hội đồng thẩm định kế hoạch cánh đồng lớn; xây dựng dự thảo Nghị quyết HĐND về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh.

- Đăng ký bổ sung 02 Nghị quyết HĐND tỉnh về phê chuẩn chính sách hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2020 và Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 18/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 08/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, giai đoạn 2011 - 2020 và kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng, giai đoạn 2011-201.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin thành lập quỹ bảo vệ và phát triển rừng; Kế hoạch phát triển cánh đồng lớn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2020.

- Trình xin chủ trương và tổ chức lấy ý kiến đóng góp đề cương kỹ thuật, dự toán dự án đầu tư xây dựng và phát triển rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020.

- Hoàn chỉnh 02 hồ sơ chỉ định thầu Dự án Quy hoạch vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung và định hướng rải vụ một số cây ăn quả trên địa bàn tỉnh; Quy hoạch chi tiết nuôi, chế biến cá tra đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 và 01 hồ sơ mời thầu Dự án Rà soát, điều chỉnh bổ sung Quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

- Phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đón Tết nguyên đán Ất mùi 2015 theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 305/UBND-TH ngày 29/01/2015.

- Tổ chức Hội nghị tổng kết ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2014 và giao chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2015.

- Tham mưu phân công các phòng, đơn vị trực thuộc thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án năm 2015.

- Tổng hợp trả lời kiến nghị cử tri phục vụ kỳ họp lần thứ 17 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII; tổng hợp báo cáo tái cơ cấu ngành nông nghiệp phục vụ hội nghị sơ kết Đề án tái cơ cấu kinh tế tỉnh giai đoạn 2013-2015; báo cáo xin điều chỉnh diện tích trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh.

3. Đánh giá

a) Kết quả đạt được:

- Công tác chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu ngành từng bước đi vào chiều sâu, triển khai thực hiện có hiệu quả.

- Có sự tập trung chỉ đạo quyết liệt trong công tác phòng, chống các loại dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi nên tiếp tục được kiểm soát.

- Sau Tết Nguyên đán thời tiết thuận lợi, ngư dân tập trung ra khơi đánh bắt thủy - hải sản đạt sản lượng khá.

- Nông dân các huyện ven biển tập trung thu hoạch thủy sản của vụ nuôi năm 2014 chuyển sang sản lượng đạt cao hơn cùng kỳ.

- Các công trình đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ sản xuất, dân sinh nghiệm thu đưa vào sử dụng bước đầu đã mang lại hiệu quả.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Tiến độ triển khai lập mới và rà soát điều chỉnh, bổ sung một số quy hoạch chi tiết lĩnh vực, ngành hàng, sản phẩm chủ yếu còn chậm nên việc xây dựng và triển khai các kế hoạch, dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật và phát triển sản xuất cụ thể gặp khó khăn, lúng túng.

- Tiến độ triển khai thực hiện các quy hoạch được phê duyệt còn chậm (chăn nuôi, giết mổ tập trung; sản xuất giống thủy sản) do các hộ chăn nuôi không đủ năng lực; công tác kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư còn gặp nhiều khó khăn.

- Dịch bệnh trong chăn nuôi luôn tiềm ẩn, chi phí đầu vào ở mức cao, người chăn nuôi không có lãi nên không mạnh dạn đầu tư tái đàn.

- Một số địa phương nông dân xuống giống lúa Đông Xuân, thả nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú không theo lịch thời vụ làm cho công tác quản lý của ngành gặp khó khăn.

- Thị trường tiêu thụ cá tra, cá lóc không ổn định, giá cả sụt giảm nên nông dân giảm diện tích dẫn đến sản lượng giảm mạnh.

II. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC QUÝ II VÀ THÁNG 4 NĂM 2015

1. Một số dự báo chủ yếu:

Các cơ chế, chính sách của Trung ương và của tỉnh tiếp tục được triển khai thực hiện; cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất được quan tâm đầu tư; việc ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên bộ mới trong sản xuất ngày càng rộng rãi; trình độ, năng lực, tay nghề của nông dân từng bước được nâng cao, triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, cùng với việc quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT; sự hỗ trợ tích cực của các ngành, các cấp; sự phấn đấu, nỗ lực cao của toàn ngành và nông dân trong tỉnh là những thuận lợi cơ bản.

Tuy nhiên, tình trạng nắng nóng, khô hạn, mặn; dịch bệnh luôn tiềm ẩn; giá cả vật tư đầu vào đứng ở mức cao, giá nông, thủy sản ở mức thấp và có khả năng sụt giảm, khó tiêu thụ sẽ là những khó khăn, thách thức đối với sản xuất nông, lâm, thủy sản của tỉnh trong quý II năm 2015.

2. Kế hoạch quý II:

a) Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Phân đấu giá trị sản xuất đạt 1.910 tỷ đồng (giá năm 1994), lũy kế 6 tháng đầu năm 4.574 tỷ đồng, đạt 53,1% kế hoạch, tăng 3,8%, trong đó:

+ Nông nghiệp: 1.088 tỷ đồng (trồng trọt 850 tỷ đồng, chăn nuôi 163 tỷ đồng, dịch vụ 75 tỷ đồng).

+ Lâm nghiệp: 31 tỷ đồng.

+ Thủy sản: 791 tỷ đồng (khai thác hải sản 83 tỷ đồng, khai thác nội đồng 30 tỷ đồng, nuôi trồng thủy sản 611 tỷ đồng, dịch vụ 66 tỷ đồng)

- Sản lượng cây trồng chủ lực: Lúa 651.493 tấn; màu lương thực 28.704 tấn; màu thực phẩm 101.762 tấn; mía 225.700 tấn; đậu phộng 15.296 tấn; dừa 82.134 tấn; cây ăn trái 73.495 tấn.

- Sản phẩm vật nuôi chính: Ổn định tổng đàn bò 150.350 con; đàn heo 339.200 con và đàn gia cầm 05 triệu con.

- Sản lượng thủy sản: 53.140 tấn (13.910 tấn tôm), trong đó: Nuôi trồng 37.580 tấn (3.772 tấn tôm sú, 13.764 tấn tôm thẻ, 4.184 tấn cá tra, 4.968 tấn cá lóc...); khai thác 23.860 tấn (2.230 tấn tôm).

b) Các công tác trọng tâm:

- Công tác chỉ đạo sản xuất và phòng chống dịch bệnh:

+ Cây lúa: Chỉ đạo chăm sóc diện tích lúa hiện diện trên đồng, khuyến cáo nông dân thường xuyên thăm đồng để phát hiện và phòng trị kịp thời các loại sâu, bệnh gây hại. Tuyên truyền, vận động nông dân cày ải, vệ sinh đồng ruộng ở những nơi có điều kiện và xuống giống lúa vụ Hè Thu theo lịch thời vụ; triển khai xây dựng cánh đồng lớn và sản xuất lúa chất lượng cao theo kế hoạch.

+ Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Tập trung hướng dẫn nông dân theo dõi, chăm sóc, thu hoạch màu Đông Xuân, triển khai xuống giống cây màu vụ mùa năm 2015.

+ Chăn nuôi gia súc, gia cầm: Tăng cường chỉ đạo công tác phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là trong thời điểm giao mùa; kết hợp địa phương quản lý tình hình vịt chạy đồng vào tỉnh, đặc biệt là từ tỉnh Sóc Trăng và Vĩnh Long; tiếp tục

triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm; thực hiện tiêm phòng đợt 1 cho đàn vật nuôi nhất là các vùng có nguy cơ cao và ổ dịch cũ; kết hợp kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ tình hình vận chuyển động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh tại các chốt cố định và lưu động.

+ Thủy sản: Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn phối hợp Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn các huyện kiểm tra chặt chẽ tình hình sản xuất giống thủy sản, nhất là tình hình sản xuất và nhập tỉnh tôm sú, tôm chân trắng; tăng cường kiểm tra chất lượng con giống sản xuất nội tỉnh và nhập tỉnh; theo dõi, thống kê diện tích, số lượng tôm giống thả nuôi và tình hình thiệt hại; tiếp tục phân công cán bộ kỹ thuật hỗ trợ, tư vấn trực tiếp tại 02 huyện Cầu Ngang và Duyên Hải; tổ chức thả giống thủy sản ra môi trường tự nhiên nhằm tái tạo nguồn lợi thủy sản nhân kỷ niệm ngày truyền thống nghề cá Việt Nam (01/4).

- Các công tác chuyên môn:

+ Triển khai lập Dự án Quy hoạch rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp và nuôi trồng thủy sản đến năm 2020; Quy hoạch vùng sản xuất cây ăn trái trồng rải vụ trên địa bàn tỉnh; quy hoạch chế biến cá tra.

+ Triển khai kế hoạch trồng rừng và trồng cây phân tán năm 2015; tiếp tục thực hiện vệ sinh phòng cháy, chữa cháy rừng; tổ chức tuyên truyền luật bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường tuần tra quản lý bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và tình hình mua bán, vận chuyển động vật hoang dã.

+ Kết hợp địa phương triển khai thực hiện công tác thủy lợi nội đồng năm 2015; thường xuyên kiểm tra độ mặn tại các cống đầu mối, theo dõi cao trình nước, chủ động tích nước ngọt, phòng, chống hạn, mặn; chỉ đạo vận hành công phục vụ an toàn cho sản xuất.

+ Tiếp tục sản xuất và cung ứng giống lúa, cây ăn trái, giống thủy sản; tập trung chuyển giao công nghệ sản xuất giống thủy sản các loại cho các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn tỉnh.

+ Tập trung chỉ đạo cán bộ kỹ thuật tư vấn trực tiếp về trồng trọt, chăn nuôi và nuôi thủy sản cho nông dân; tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm trong sản xuất lúa, đặc biệt là sản xuất lúa chất lượng cao và mô hình cánh đồng lớn; tiếp tục triển khai thực hiện các mô hình trình diễn, nhân rộng các mô hình có hiệu quả kinh tế cao.

+ Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc khẩn trương triển khai thực hiện các dự án thuộc nguồn vốn sự nghiệp và chương trình mục tiêu quốc gia năm 2015.

+ Tập trung theo dõi, giám sát thi công các công trình thủy lợi, xây dựng cơ bản chuyển tiếp từ năm 2014 và tổ chức triển khai thi công các công trình đầu tư mới năm 2015.

+ Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu phí, lệ phí đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

+ Tăng cường các hoạt động quản lý Nhà nước chuyên ngành: Quản lý chất lượng cây, con giống, vật tư phục vụ sản xuất, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y; kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm.

+ Phối hợp Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền về phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn cho ngư dân; hướng dẫn nông, ngư dân ở vùng ven sông, ven biển, vùng có nguy cơ bị sạt lở chủ động di dời khi có sự cố; tuyên truyền cho ngư dân trang bị các thiết bị an toàn cho thuyền viên và tàu cá trước khi ra khơi.

3. Một số nhiệm vụ trọng tâm tháng 4:

a) Công tác chỉ đạo sản xuất và phòng chống dịch bệnh:

- Cây lúa: Chỉ đạo xuống giống dứt điểm (100%) diện tích lúa vụ Hè Thu trong tháng 5, không kéo dài ảnh hưởng đến vụ sau; thực hiện việc dự tính, dự báo tình hình sâu, bệnh để hướng dẫn nông dân phòng trị kịp thời; tiếp tục chỉ đạo mở rộng diện tích lúa chất lượng cao và mô hình cánh đồng lớn; khuyến cáo nông dân cày ải, vệ sinh đồng ruộng ở những nơi có điều kiện.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày: Tiếp tục hướng dẫn nông dân chăm sóc, phòng trị các loại sâu bệnh và thu hoạch màu Đông Xuân; triển khai kế hoạch trồng màu vụ mùa năm 2015, đặc biệt là các loại cây màu có giá trị kinh tế cao.

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm: Tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng chống dịch cúm gia cầm lây lan từ tỉnh Sóc Trăng và Vĩnh Long; thực hiện tiêm các loại vaccine phòng bệnh cho đàn vật nuôi nhất là cúm gia cầm và các loại vaccine thường xuyên khác; kết hợp địa phương quản lý tình hình vịt chạy đồng nhất là thời điểm thu hoạch rộ lúa Đông Xuân; kiểm tra chặt chẽ tình hình vận chuyển gia súc gia cầm xuất nhập tỉnh bằng đường thủy và đường bộ; tiếp tục duy trì các chốt kiểm dịch cố định và lưu động.

- Thủy sản: Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn khuyến cáo người dân thả nuôi đúng lịch thời vụ và chọn con giống có chất lượng, đã qua kiểm dịch; thực hiện quan trắc, cảnh báo môi trường, thu mẫu giáp xác ở các tuyến sông đầu nguồn đại diện cho vùng nuôi; tiếp tục hỗ trợ kỹ thuật cho 02 huyện Cầu Ngang và Duyên Hải; hướng dẫn chăm sóc tốt đàn tôm, cá đang thả nuôi nhất là thời điểm giao mùa; tổ chức các cuộc tuyên truyền về luật thủy sản và khai thác bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

b) Công tác chuyên môn:

- Hoàn thiện việc lựa chọn đơn vị tư vấn và tiến hành triển khai lập Dự án rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, nuôi trồng thủy sản đến năm 2020; Quy hoạch vùng sản xuất cây ăn trái trồng rải vụ trên địa bàn tỉnh và Quy hoạch chế biến cá tra.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; hướng dẫn các địa phương lập kế hoạch triển khai thực hiện nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất năm 2015; trình xin ý kiến UBND tỉnh điều chỉnh đề án nông thôn mới cấp tỉnh thành kế hoạch xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2015 – 2020; hỗ trợ 02 xã Mỹ Long Bắc và xã An Trường hoàn chỉnh thủ tục công nhận xã nông thôn mới theo quy định.

- Xây dựng Phương án trồng cây lâm nghiệp phân tán năm 2015 và Dự án trồng cây lâm nghiệp phân tán giai đoạn 2016-2020; nhắc nhở các hộ nhận khoán trồng rừng năm 2014 trồng dặm đảm bảo mật độ; kiểm tra công tác gieo ươm, chăm sóc cây giống phục vụ công tác trồng rừng năm 2015; triển khai kế hoạch phòng cháy, chữa cháy rừng; tăng cường tuần tra quản lý bảo vệ rừng; kết hợp kiểm tra, quản lý việc khai thác, mua bán, vận chuyển động vật hoang dã và các cơ sở nuôi động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện các hạng mục công trình Dự án Di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa; Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông thị trấn Tiểu Cần; Dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa...

- Tiếp tục khảo nghiệm, sản xuất và cung ứng giống lúa, cây ăn trái, giống thủy sản; tập trung chuyên giao công nghệ sản xuất giống thủy sản các loại cho các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh, ương dưỡng, vận chuyển giống thủy sản, sản xuất kinh doanh giống lúa và vật tư đầu vào phục vụ sản xuất.

- Tiếp tục chỉ đạo vận hành tốt các trạm cấp nước trên địa bàn tỉnh, thực hiện lắp đặt thêm khoảng 720 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh do ngành nông nghiệp cung cấp.

- Kết hợp địa phương triển khai công tác thủy lợi nội đồng năm 2015; thường xuyên kiểm tra độ mặn tại các công đầu mối và trong nội đồng, theo dõi cao trình nước; chủ động tích ngọt, phòng, chống hạn, mặn phục vụ sản xuất.

- Quản lý tốt tàu, xe ra vào cảng; phối hợp địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển, thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

Trên đây là báo cáo tình hình công tác tháng 3, sơ kết quý I, kế hoạch quý II và tháng 4 năm 2015 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh nắm, theo dõi, chỉ đạo. /.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TP;
- Lưu: VT, KHTC.



Trần Trung Kiên

BÁO CÁO THÁNG VỀ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP, THỦY SẢN

Tính đến ngày 15/3/2015

STT	Chi tiêu	Đơn vị	Quý I/2014	KH vụ/năm 2015	TH tháng 03	Ước TH Quý I/2015	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2		3	4=3/1	5=3/2
	Giá trị sản xuất (Theo giá năm 1994)	Tỷ đồng	2.585,19	8.613	-	2.663,66	103,04%	30,93%
a	Giá trị SX nông nghiệp	"	2.254,98	5.588	-	2.279,14	101,07%	40,79%
	- Trồng trọt	"	1.779,34	4.304		1.839,65	103,39%	42,74%
	- Chăn nuôi	"	247,74	774		208,85	84,30%	26,98%
	- Dịch vụ	"	227,90	510		230,64	101,20%	45,22%
b	Giá trị lâm nghiệp	"	19,96	100,00		18,91	94,73%	18,91%
c	Giá trị sản xuất thủy sản	"	310,247	2.925	-	365,61	117,84%	12,50%
	- Khai thác hải sản	"	121,83	442		124,82	102,45%	28,24%
	- Khai thác nội đồng	"	30,58	137		32,40	105,95%	23,70%
	- Nuôi trồng thủy sản	"	151,44	2.146		204,37	134,95%	9,52%
	- Dịch vụ thủy sản	"	6,40	200		4,026	62,91%	2,01%
	Giá trị sản xuất (Theo giá năm 2010)	Tỷ đồng	8.135,23	26.970	-	7.927,65	97,45%	29,39%
a	Giá trị SX nông nghiệp	"	7.126,01	18.100	-	6.812,83	95,61%	37,64%
	- Trồng trọt	"	5.421,43	13.411		5.231,66	96,50%	39,01%
	- Chăn nuôi	"	966,37	3.043		832,78	86,18%	27,37%
	- Dịch vụ	"	738,21	1.645		748,38	101,38%	45,49%
b	Giá trị lâm nghiệp	"	49,15	280		48,19	98,04%	17,21%
c	Giá trị sản xuất thủy sản	"	960,08	8.590	-	1066,64	111,10%	12,42%
	- Khai thác hải sản	"	336,42	1.240		359,44	106,84%	28,98%
	- Khai thác nội đồng	"	110,32	558		117,23	106,27%	20,99%
	- Nuôi trồng thủy sản	"	504,44	6.754		583,72	115,72%	8,64%
	- Dịch vụ thủy sản	"	8,91	37		6,24	70,01%	16,86%
A	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP							
I.	TRỒNG TRỌT							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	182.029	292.837	5.807	182.415	100,21%	62,29%
1.1.	Cây lương thực có hạt	Ha	159.779	235.050	740	160.572	100,50%	68,31%
	Cây lúa	Ha	157.285	227.900	-	158.097	100,52%	69,37%
	Vụ Thu Đông-mùa							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	89.202,44	87.400		89.209,38	100,01%	102,07%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	89.202,44	87.400		89.209,38	100,01%	102,07%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	53,10	54,15		53,41	100,58%	98,64%
	- Sản lượng	tấn	473.706	473.271		476.506	100,59%	100,68%
	Vụ Đông - Xuân							
	- DT gieo sạ	ha	66.448	63.500		68.887,9	103,67%	108,48%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	26.922	63.500	25.854	26.398,0	98,05%	41,57%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	65,62	65,00	66,99	65,61	100,00%	100,94%
	- Sản lượng	tấn	176.651	412.750	173.207,0	173.207	98,05%	41,96%
	Vụ Hè Thu							
	- Diện tích	Ha	1.635	77.000			0,00%	0,00%
	- Năng suất	Tạ/ha		5,35				
	- Sản lượng	tấn		411.950				
	Cây màu	Ha	24.744,05	64.937,00	5.806,91	24.317,41	98,28%	37,45%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Quý I/2014	KH vụ/năm 2015	TH tháng 03	Ước TH Quý I/2015	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2.493,80	7.150	740	2.474,56	99,23%	34,61%
	- Diện tích thu hoạch	"	1.175	7.150	1.129	1.232,00	104,85%	17,23%
	- Năng suất	Tạ/ha	48,90	54,50	55,43	55,30	113,08%	101,47%
	- Sản lượng	Tấn	5.746	38.968	6.258	6.813	118,57%	17,48%
1.2.	Cây có củ	Ha	1.013,73	3.387	804	1.003,85	99,03%	29,64%
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	546,1	1.516	304	552,68	101,21%	36,46%
	+ Diện tích thu hoạch	"	127,9	1.516	107	135,16	105,68%	8,92%
	+ Năng suất	Tạ/ha	121,19	165,49	124,19	132,14	109,04%	79,85%
	+ Sản lượng	Tấn	1.550	25.089	1.331	1.786	115,23%	7,12%
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	289,09	1.071	468	279,70	96,75%	26,12%
	+ Diện tích thu hoạch	"	77,95	1.071	66	70,00	89,80%	6,54%
	+ Năng suất	Tạ/ha	114,70	143,19	114	115,14	100,39%	80,41%
	+ Sản lượng	Tấn	894,09	15.336	751	806	90,15%	5,26%
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	178,55	800	32	171,47	96,03%	21,43%
	+ Diện tích thu hoạch	"	20,43	800	10	16,57	81,11%	2,07%
1.3.	Cây thực phẩm	Ha	12.026,04	36.230	2.188	11.986,46	99,67%	33,08%
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	11.750,24	35.430	2.101	11.661,14	99,24%	32,91%
	+ Diện tích thu hoạch	"	8.975,00	35.430	7.238	9.540,36	106,30%	26,93%
	+ Năng suất	Tạ/ha	214,7	223,00	223,75	223,6	104,15%	100,27%
	+ Sản lượng	Tấn	192.693	790.089	161.950	213.322	110,71%	27,00%
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	275,80	800	87	325,32	117,96%	40,67%
	+ Diện tích thu hoạch	"	97,34	800	45	106,82	109,74%	13,35%
	+ Năng suất	Tạ/ha	142,9	16,50	279,29	138,6	96,97%	839,70%
	+ Sản lượng	Tấn	1.391	1.320	1.246	1.480	106,42%	112,12%
1.4	Cây công nghiệp hàng năm		8.693	14.740	1.772	8.119	93,39%	55,08%
	Đậu phộng	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.069,05	5.640	770	3.012,29	98,15%	53,41%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.234,12	5.640	1.022	1.216,65	98,58%	21,57%
	+ Năng suất	Tạ/ha	44,50	53,75	49,42	48,70	109,43%	90,60%
	+ Sản lượng	Tấn	5.492	30.315	5.049	5.925	107,88%	19,54%
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	4.489,53	6.300	878	4.084,23	90,97%	64,83%
	Trong đó: DT trồng mới	"						
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.178,25	6.300	3.079	3.079,00	96,88%	48,87%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.094,50	1.120	1.100	1.100,29	100,53%	98,24%
	+ Sản lượng	Tấn	347.859	705.600	338.779	338.779	97,39%	48,01%
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.134,35	2.800	123	1.022,20	90,11%	36,51%
	+ Diện tích thu hoạch	"	120	2.800	112	118,96	98,89%	4,25%
	+ Năng suất	Tạ/ha	87,1	98,00	100,48	100,29	115,11%	102,33%
	+ Sản lượng	Tấn	1.048	27.440	1.125	1.193	113,82%	4,35%
1.5	Cây trồng khác	"	518	3.430	302,2	734	141,79%	21,39%
	+ Cây hàng năm khác	Ha	506,75	3.280	283,0	711,72	140,45%	21,70%

STT	Chi tiêu	ĐVT	Quý I/2014	KH vụ/năm 2015	TH tháng 03	Ước TH Quý I/2015	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Dây thuốc cá		10,80	150	19,2	22,10	204,63%	14,73%
2	Cây lâu năm							
3	Cây ăn quả							
II	CHĂN NUÔI							
B	LÂM NGHIỆP							
1.	Lâm sinh							
1.1.	DT rừng trồng tập trung	Ha						
	<i>Trong đó:</i>							
	- Rừng phòng hộ	"						
	- Rừng đặc dụng	"						
	- Rừng sản xuất	"						
	DT trồng lại sau khai thác	Ha						
1.2.	DT rừng trồng được chăm sóc	Ha						
1.3.	DT khoanh nuôi tái sinh	Ha						
1.4.	DT giao khoán bảo vệ	Ha						
1.5.	Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây						
2.	Khai thác							
	- Sản lượng gỗ khai thác	m ³						
	<i>Trong đó: Gỗ rừng trồng</i>	"						
C	DIÊM NGHIỆP							
D	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	26.376,84	45.900	7.194,02	23.084,40	87,52%	50,29%
1.1.	Nuôi nước ngọt	"	330,53	5.000	112,14	183,17	55,42%	3,66%
	- Diện tích nuôi cá	"	325,13	3.500	111,74	181,84	55,93%	5,20%
	<i>Trong đó: + Cá tra, cá ba sa</i>	"	3,09	40	-	0,40	12,94%	1,00%
	<i>Cá lóc</i>	"	69,04	290	10,46	47,07	68,18%	16,23%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	5,40	1.500		1,20	22,22%	0,08%
	<i>Trong đó: tôm càng xanh</i>	"	5,40	1.500		1,20	22,22%	0,08%
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	26.046,31	40.900	7.081,88	22.901,2	87,93%	55,99%
	- Diện tích nuôi cá	"						
	<i>Trong đó: + cá giò, cá song</i>	"						
	<i>+ ...</i>	"						
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	25.951,3	38.700,0	7.059,88	22.879,2	88,16%	59,12%
	<i>Trong đó: + Tôm sú</i>	"	12.947	19.900	5.175,00	13.453,7	103,91%	67,61%
	<i>+ Tôm thẻ chân trắng</i>	"	1.828,4	5.000	395,88	1.083,2	59,24%	21,66%
	<i>+ Cua biển</i>	"	11.175,9	13.800	1.489,00	8.342,3	74,65%	60,45%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết, cá nước lợ)	"	95	2.200	22,00	22	23,16%	1,00%
2.	Thể tích nuôi lồng, bè	m ³						
	- Nuôi cá	"						
	- Nuôi giáp xác	"						
	- Nuôi nhuyễn thể	"						
3.	Sản lượng con giống sản xuất	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						
	- Nhuyễn thể giống	"						
4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	29.240	204.925	9.473,57	28.831,2	98,60%	14,07%
4.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	12.488	121.925	4.033,48	11.189,6	89,61%	9,18%

STT	Chi tiêu	ĐVT	Quý I/2014	KH vụ/năm 2015	TH tháng 03	Ước TH Quý I/2015	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
4.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	10.769	65.500	2.707,35	8.220,3	76,33%	12,55%
	- Sản lượng cá	"	10.504,25	65.000	2.689,15	8.005,00	76,21%	12,32%
	Trong đó: cá tra, cá basa	"	1.278,00	15.500	100,00	466	36,46%	3,01%
	Cá lóc	"	6.117,85	29.500	1.721,70	5.357	87,56%	18,16%
	- Sản lượng giáp xác	"	234,39	500	18,20	215,3	91,86%	43,06%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	234,39	500	18,20	215,3	91,86%	43,06%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	30,10				0,00%	
4.1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	1.718,9	56.425	1.326,13	2.969,3	172,74%	5,26%
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song	"						
	...	"						
	- Sản lượng tôm nuôi	"	1.590,7	50.425	1.310,78	2.920,5	183,60%	5,79%
	Trong đó: + Tôm sú	"	16,5	14.925	254,70	705,6	4276,61%	4,73%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	1.020,7	25.500	827,63	1.535,8	150,46%	6,02%
	+ Nuôi cua biển	"	553,5	10.000	228,45	679,2	122,70%	6,79%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	128,2	6.000	15,35	48,75	38,03%	0,81%
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	16.752,69	83.000	5.440,09	17.641,64	105,31%	21,25%
4.2.1.	Khai thác biển	Tấn	14.129,44	68.500	4.828,31	14.885,72	105,35%	21,73%
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	7.121,59	27.000	2.262,81	7.204,1	101,16%	26,68%
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	2.414,15	8.500	515,15	1.944,1	80,53%	22,87%
	Trong đó: - Tôm...	"	2.414,15				0,00%	
	- ...	"						
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn						
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						
	+ SL hải sản khác khai thác	"	4.593,70	33.000	2.050,35	5.737,5	124,90%	17,39%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	2.623,25	14.500	612	2.755,9	105,06%	19,01%
	Trong đó: - Cá các loại	"	1.103,0	6.800	308,25	1.191,1	107,99%	17,52%
	- Tôm các loại	"	996,4	4.700	287,55	1.104,3	110,83%	23,50%
	- Nhuyễn thể các loại	"						
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"						
	- Thủy sản khác	"	523,9	3.000	15,98	460,5	87,89%	15,35%